

Bản án số: 144/2022/HS-ST

Ngày 12-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Kim

Ông Nguyễn Văn Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 139/2022/TLST- HS ngày 05 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Mai Thị Nh**, sinh năm 1998; tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Th, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Huy T và bà: Nguyễn Thị Th; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/7/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang ( có mặt).

**2. Tống Quốc B**, sinh năm 1999; tại: thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Nh, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa : 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tống Văn Th và bà: Hà Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang ( có mặt).

**3. Lý Thị H**, sinh năm 2003, tại: huyện V, tỉnh Hà Giang; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Th, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn Ph và bà: Vui Thị S; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang ( có mặt)

**4. Trần Tùng** , sinh năm 1999; tại: huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn M và bà: Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Giang ( có mặt).

**5. Vũ Văn M**, sinh năm 1998; tại: huyện G, thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa : 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn B và bà: Vũ Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022 đến ngày 05/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện tại ngoại ( có mặt).

- *Bị hại:* Chị Vui Thị S, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn Th, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang ( có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang ( vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị Thùy H, sinh năm 1989; cư trú tại: Cụm 10, xã H, huyện Ph, thành phố Hà Nội ( vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 4, ngõ 2, khu tập thể T, phường , quận B, thành phố Hà Nội( vắng mặt).

4. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội ( có mặt).

5. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội ( có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Vàng A S, sinh năm 1999; cư trú tại: Bản N, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn ( vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị Nh, sinh năm 1998, trú tại thôn Th, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Tống Quốc B, sinh năm 1999, trú tại thôn Nh, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Lý Thị H, sinh năm 2003, trú tại thôn Th, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang; Trần Tùng L, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình và Vũ Văn M, sinh năm 1998, trú tại thôn C, xã L, huyện G, thành phố Hà Nội đều cùng kinh doanh trong hệ thống bán hàng đa cấp của Tập đoàn Liên kết V- Văn phòng đại diện tại tổ dân phố N1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang do Mai Thị Nh làm trưởng văn phòng. H tham gia kinh doanh trong hệ thống từ khoảng đầu tháng 4/2022, cách thức tham gia H mua một đơn hàng trị giá 11.000.000 đồng thực phẩm chức năng, B và Nh là cấp trên của H, cứ mỗi người ở tuyến dưới tham gia mua một đơn hàng 11.000.000 đồng thì Nh, B, L sẽ được cộng thêm điểm vào doanh số của cá nhân (gọi là điểm CV). Khi H tham gia bán hàng đa cấp, H muốn nâng hạng thành viên, tích điểm CV thì cần phải có tiền để mua thêm đơn hàng, giới thiệu thêm người tham gia hệ thống sẽ được Công ty cấp thêm mã ID. Do H cần tiền để mua thêm sản phẩm cho các thành viên trong gia đình để H được cấp mã ID nhưng không có tiền mua nên Nh, B, H, L, M cùng nhau lên kế hoạch, đưa ra thông tin gian dối đối với gia đình H là H mượn xe mô tô của bạn làm mất, đang vay số tiền 40.000.000 đồng của B đền, để gia đình H phải có trách nhiệm gửi tiền xuống trả tiền thay cho H. Thực chất, không có việc H làm mất xe và vay tiền của B, chỉ là thủ đoạn để các bị cáo chiếm đoạt được tiền của gia đình H. Các bị cáo thực hiện hành vi cụ thể như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2022, do biết H muốn mua thêm hàng để những thành viên trong gia đình H được cấp mã ID nhưng không có tiền nên Nh nói chuyện với B “*Bây giờ H không xoay được tài chính thì em chỉ cách cho bạn ấy xoay sở tài chính để bảo vệ quyền lợi cho gia đình bạn ấy*”, tức là Nh nói với B chỉ cho H cách xoay tiền để mua thêm sản phẩm để được cấp mã thành viên cho gia đình H và được B đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/4/2022, Nh bảo H “*Bây giờ em chưa có mã gia đình, em có muốn bảo vệ quyền lợi của gia đình không*”, tức là hỏi H có muốn mua thêm sản phẩm để có sản phẩm cho gia đình dùng và được cấp mã ID cho gia đình không, H nói “*Em muốn*”. Nh tiếp tục bảo H “*Hiện giờ em chưa có tài chính chỉ còn cách gọi điện về xin tiền mẹ, xin tiền mẹ bình thường chắc không được nên bây giờ anh B sẽ có phương pháp giúp em có tài chính, em nói với mẹ đang vay tiền của B thì mẹ em mới cho*”, H đồng ý. Nh đưa cho H một tờ giấy có tiêu đề “*Giấy vay tiền*”, trên giấy có sẵn các mục

về thông tin cá nhân và nội dung vay tiền của B để H viết. Nh bảo H viết các thông tin theo mẫu trên giấy, H đồng ý tự điền các thông tin về họ, tên, điện thoại, địa chỉ, số điện thoại của bố, mẹ trên giấy, ghi số tiền vay là 40.000.000 đồng. Ngay sau khi H viết xong giấy vay tiền, Nh không đọc lại nội dung mà đưa cho H 01 thời son của mình để H điểm chỉ vào “*Giấy vay tiền*” vừa viết. Sau đó, H đi ra ngoài, Nh cầm tờ giấy H vừa viết, để trên bàn chỗ B ngồi và nói với B “*Em lấy thông tin trên giấy, gọi điện về cho gia đình H nói là H đang mượn tiền em*”, B hiểu ý của Nh là gọi điện về cho gia đình H, nói dối H đang vay tiền B để gia đình H tin tưởng gửi tiền xuống cho H, thực chất H không vay tiền B và được B đồng ý. B lấy số điện thoại của mẹ H trên giấy rồi để giấy ở trên bàn.

Khoảng 16 giờ 41 phút ngày 19/4/2022, B dùng điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, lắp sim số thuê bao 0961969882 của mình gọi điện vào thuê bao điện thoại số 0865554738 của chị Vui Thị S, sinh năm 1986, trú tại: thôn Th, xã M, huyện V, tỉnh Hà Giang là mẹ của H và nói với chị S “*H đang nợ tiền của em từ ngày 03/4/2022 đến nay chưa trả, em điện cho H không được, chị xem H ở đâu thì điện để trả tiền cho em*”, chị S nói để kiểm tra lại thông tin. Sau đó, chị S điện thoại cho H thì H nói với chị S việc mượn xe của bạn rồi làm mất, đã vay của B 40.000.000 đồng để đền, H bảo với chị S gửi tiền cho B. Khoảng 21 giờ ngày 19/4/2022, chị S điện thoại cho B nói sẽ trả tiền vào ngày 20/4/2022 bằng phương thức chuyển tiền vào tài khoản của B, B đồng ý và nói với chị S chuyển khoản cho B 42.000.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng tiền lãi) và nhắn tin số tài khoản 0010029091999 của mình mở tại Ngân hàng MB cho chị S. Khoảng 17 giờ ngày 20/4/2022, do không thấy chị S gửi tiền nên B nhiều lần điện thoại cho chị S giục gửi tiền sớm, chị S nói muốn gặp trực tiếp H rồi mới trả tiền. Đồng thời, chị S gọi điện cho H nói sẽ xuống gặp trực tiếp H, trả tiền rồi đón H về. H nói với B không muốn gặp mẹ sợ bị bắt về quê, không được xuống nữa. Lúc này, B, L và H đều có mặt tại văn phòng, thấy mẹ H không gửi tiền và H không muốn gặp mẹ nên B rủ H, L đi ra khu vực nương nước phía sau văn phòng. Tại đây, B lên kế hoạch nói dối chị S là H vay tiền của B không trả nên trên đường H đi làm về bị L gặp, giữ lại, đưa về chỗ B, hiện H đang bị L và B giữ lại, nếu không trả tiền thì không thả H ra; L sẽ là người gọi điện cho chị S để giục chị S gửi tiền. Mục đích việc lên kế hoạch như vậy gây sức ép cho chị S, chị S tin H đang bị bắt giữ thật để chị S phải trả tiền cho B để chuộc con, đồng thời cũng để H có lý do không phải gặp mẹ. Sau khi nghe B nói vậy H, L đồng ý. Lúc này, B không tìm thấy tờ giấy Nh đưa cho H viết ngày 18/4/2022 nên B hướng dẫn H viết 03 tờ giấy thể hiện việc vay tiền, mượn xe giữa H và B gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 03/4/2022, trên giấy có thông tin về họ, tên, địa chỉ, số

điện thoại của H, bố, mẹ H là chị Vui Thị S và ông Lý Văn Ph, nội dung H vay B 40.000.000 đồng, H ký, điểm chỉ mục “*người vay*”, B ký mục “*người cho vay*”; 01 giấy xác nhận vay tiền đề ngày 03/4/2022, nội dung H vay B số tiền 40.000.000 đồng, hẹn ngày 10/4/2022 sẽ trả, H ký, điểm chỉ mục “*người vay*”, B ký mục “*người cho vay*” và 01 giấy thuê xe đề ngày 03/4/2022, nội dung thể hiện H thuê của B 01 xe SH mode, BKS 98B3- 68.689, H ký, điểm chỉ mục “*người thuê*”, B ký mục “*người cho thuê*”. Mục đích viết các giấy tờ để khi gặp chị S đưa cho chị S xem, chị S tin tưởng là thật. Khi B, H, L nói chuyện thì M đứng nấu cơm ở bếp gần nương nước nên nhìn thấy. Sau đó, M thấy B cầm trên tay các giấy vay tiền do H viết, không thấy B đưa tiền cho H nên M tự hiểu là B, H, L bàn bạc nói dối gia đình H là H vay tiền của B để giúp H lấy tiền của gia đình nộp vào Công ty. Sau khi bàn bạc xong, B đi qua chỗ M đứng và nói “*Tối đi cùng tôi nhé*”, M hiểu B rủ cùng đi lấy tiền nên đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 ngày 20/4/2022, chưa thấy chị S đến trả tiền L dùng điện thoại nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim thuê bao số 0325631274 của H gọi điện cho chị S giục chị S mang tiền xuống, L nói “*Nhanh lên không có nhiều thời gian đâu, nhanh lên không thì không mang được xác con về đâu*”. B cũng điện cho mẹ H nói “*Cô có định trả tiền không, không thì tự đi mà tìm H*”. Khoảng 19 giờ ngày 20/4/2022, chị S đang trên đường từ nhà xuống huyện V, tỉnh Bắc Giang không biết vị trí B hẹn ở đâu nên bảo B gửi vị trí điểm hẹn cho chị S qua định vị trong ứng dụng zalo. B đồng ý, gửi vị trí quán “*An Coffe*” ở thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang cho L, bảo L gửi vị trí cho H, H gửi cho chị S. Trong khoảng thời gian từ 19 giờ đến 21 giờ 30 phút ngày 20/4/2022, L, B liên tục gọi điện cho chị S yêu cầu nhanh chóng mang tiền xuống trả. Chị S ghi âm lại các cuộc gọi giữa B, L và chị S, lưu vào 04 tập tin trong máy điện thoại của chị S gồm: “FILE\_20220421\_123507\_0961969882 2022-04-20 20-20-20.amr”, thời lượng 09 phút 12 giây; “FILE\_20220421\_124208\_H 2022-01-20 20-47-43.amr”, thời lượng 01 phút 31 giây; “FILE\_20220421\_12408\_Hằng 2022-04-20 21-10-17.amr”, thời lượng: 01 phút 51 giây; “FILE\_20220421-124208-H 2022-04-20 21-12-54.amr”, dung lượng: 129KB, thời lượng: 01 phút 22 giây. Khoảng 20 giờ ngày 20/4/2022, khi đang ăn uống tại văn phòng cùng Nh và một số người của văn phòng, B nói với Nh “*Em đi lấy tiền mẹ H*”, Nh hiểu là mẹ H tin tưởng việc H nói đang vay tiền của B và đồng ý trả tiền cho B theo kế hoạch. B nói với Nh để H lại văn phòng, Nh đồng ý. B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 99C1- 085.31 của mình, rủ anh Vàng A S, sinh năm 1999, trú tại bản N1, xã N, huyện B, tỉnh Bắc Cạn đi cùng đến quán “*An coffe*” trước đợi chị S, khi đi B không nói cho S biết là đi đâu, làm gì. Đồng thời, L gọi

điện cho M rủ đi đến quán “An Coffe”, M đồng ý. L mượn xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40 của Nh đến đón M, chở M đến quán “An coffe”. Khi L, M đến quán, B nói S sang ngồi một bàn khác cùng L, còn B và M ngồi cùng một bàn. Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 20/4/2022, chị S đến cửa quán “An coffe” gọi điện thoại cho B, B cử L ra đón chị S vào trong quán, L đồng ý. L ra cửa quán đưa chị S vào trong quán, chị S ngồi đối diện B và M. Tại đây, B nói với chị S hiện nay H nợ B 40.000.000 đồng, yêu cầu chị S đưa số tiền này thì mới thả H ra, B đưa cho chị S xem 01 “Giấy vay tiền” do H viết lúc trước. B nói với chị S “Trả tiền đi rồi cháu thả người”, chị S nói với B là “Phải cho gặp con gái thì mới trả tiền”. B nói “Trả tiền đi” rồi B gọi điện cho H để chị S nói chuyện với H qua điện thoại. Chị S xem “Giấy vay tiền” rồi lấy số tiền 29.500.000 đồng ra đưa cho B, B cầm tiền đưa cho M bảo M “Đếm tiền đi”. M đang đếm tiền thì bị lực lượng Công an huyện V bắt quả tang, M để tiền đang đếm xuống bàn. Quá trình bắt quả tang, Công an huyện V thu giữ: 59 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 03 tờ giấy gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 03/4/2022, trên giấy có thông tin về họ, tên, địa chỉ, số điện thoại của H, bố, mẹ H là chị Vui Thị S và ông Lý Văn Ph, nội dung H vay B 40.000.000 đồng, H ký, điểm chỉ mục “người vay”, Bảo ký mục “người cho vay” (ký hiệu giám định A1); 01 giấy xác nhận vay đề ngày 03/4/2022, nội dung H vay B số tiền 40.000.000 đồng, hẹn ngày 10/4/2022 sẽ trả, H ký, điểm chỉ mục “người vay”, B ký mục “người cho vay” (ký hiệu giám định A2) và 01 “Giấy thuê xe” đề ngày 03/4/2022, nội dung thể hiện H thuê của B 01 xe SH mode, BKS 98B3- 68.689, H ký, điểm chỉ mục “người thuê”, B ký mục “người cho thuê” (ký hiệu giám định A3). Ngoài ra, thu giữ của B gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 99C1- 085.31 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, lắp sim số 0961969882.

Cùng ngày 21/4/2022, L, H, M đến Công an huyện V đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội. Quá trình đầu thú L giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu VivoY79A, dán ốp màu đen, lắp sim thuê bao số 0357094716 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40. H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh, lắp sim thuê bao số 0325631274. M giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu tím đen.

Ngày 15/7/2022, Cơ quan điều tra bắt tạm giam đối với Mai Thị Nh, thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, lắp sim thuê bao số 0971951422, 01 bản sao đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40. Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp tại Văn phòng

Công ty tại tổ dân phố N1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang do Nh làm trưởng văn phòng, kết quả không thu giữ được tài liệu, đồ vật gì.

Ngày 21/4/2022, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Vivo màu đỏ, lắp sim thuê bao số 0865554738 của chị S, phát hiện tại phần cuộc gọi có nhiều cuộc gọi đối với số 0325631274 lưu tên là “H” và số điện thoại 0961969882 (số điện thoại của B) phù hợp với lời khai của chị S, L, B, H. Kiểm tra ứng dụng Zalo có tin nhắn của H gửi định vị cho chị S. Kiểm tra mục ghi âm có lưu các file ghi âm cuộc gọi giữa chị với L và B. Cơ quan điều tra trích sao các hình ảnh thể hiện nội dung kiểm tra điện thoại ra Giấy A4, cho chị S ký, xác nhận; đồng thời sao lưu 4 File ghi âm ra đĩa DVD phục vụ công tác điều tra.

Ngày 21/4/2022, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại thu giữ của L, H, B; kết quả: tại điện thoại di động nhãn hiệu VivoY79A màu đen của L phát hiện tại ứng dụng Zalo có tin nhắn giữa L và M liên quan đến hành vi phạm tội. Tại điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng của B phát hiện tại ứng dụng Zalo có tin nhắn giữa B, L liên quan đến hành vi phạm tội; tại mục tin nhắn phát hiện tin nhắn giữa B và chị S liên quan đến hành vi phạm tội. Tại điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu tím đen của M phát hiện tại mục Zalo có tin nhắn giữa M, L liên quan đến hành vi phạm tội. Tại điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh của H không phát hiện dữ liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra trích sao các hình ảnh thể hiện nội dung kiểm tra điện thoại ra giấy A4 cho L, B, M ký, xác nhận.

Ngày 15/7/2022, Cơ quan điều tra kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của Nh, kết quả không phát hiện dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 08/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang giám định chữ viết, chữ số của H, B trên các giấy vay tiền, xác nhận vay, giấy thuê xe thu giữ.

Tại kết luận giám định số 1223/KL-KTHS ngày 18/7/2022, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. Chữ ký mang tên Tổng Quốc B tại mục “Người cho vay”, “Người cho thuê” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A3) so với chữ ký của Tổng Quốc B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M5 đến M8) ***là do cùng một người ký ra.***

2. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3- trừ chữ ký tại mục “Người cho vay”, “Người cho thuê” trên các tài liệu ký hiệu A1, A3 so với chữ ký, chữ viết của Lý Thị H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) ***là do cùng một người ký, viết ra.***

Ngày 12/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trưng cầu Viện khoa học hình sự- Bộ Công an giám định các file ghi âm có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hay không, nội dung giọng nói trong các file ghi âm.

Tại kết luận giám định số 4616/KL-KTHS ngày 02/8/2022 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận: *Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các file âm thanh mẫu cần giám định. Trong các file âm thanh mẫu cần giám định có tiếng nói. Nội dung các cuộc hội thoại trong các mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản (chi tiết trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo).*

Cáo trạng số 139/CT- VKS ngày 05 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Mai Thị Nh, Tổng Quốc B, Lý Thị H, Trần Tùng L, Vũ Văn M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Các bị cáo đều xác định các bị cáo không làm thủ tục tạm vắng tạm trú tại tổ dân phố N1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*Bị cáo Nh trình bày thêm:* Bị cáo L mượn xe mô tô BKS 29V3- 233.43 của bị cáo, khi mượn L nói đi có việc, L không nói cho bị cáo biết về việc L cùng B đi lấy tiền của chị S.

*Bị cáo B trình bày thêm:* Bị cáo điện thoại cho chị S nói như vậy nhằm mục đích để lấy tiền cho H. Nếu chị S không đưa tiền thì các bị cáo cũng không làm gì H. Trước khi đi đến quán “ An Cofe” bị cáo chỉ nói cho bị cáo L và bị cáo M về việc H không nợ bị cáo tiền nhưng H viết giấy vay tiền để lừa mẹ của H lấy tiền. Tôi, M và L đi lấy tiền giúp H. Bị cáo không nói cho S biết việc này, nên S không biết. Tại Cơ quan điều tra có lời khai bị cáo trình bày S có biết việc bị cáo đi lấy tiền của chị S là khi đó bị cáo sợ nên khai như vậy. Bị cáo xác định lời khai của bị cáo tại phiên tòa là chính xác.

*Bị cáo L trình bày thêm:* Bị cáo điện thoại cho chị S đe dọa nhằm mục đích để lấy tiền cho H. Nếu chị S không đưa tiền thì các bị cáo cũng không làm gì H.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

1.Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thị Nh từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm kể từ ngày tuyên án.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tổng Quốc B từ 01 năm 04 tháng đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm kể từ ngày tuyên án.

3. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Tùng L từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 08 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, Khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lý Thị H từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án.

5. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm i, s, Khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Văn M từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm đến 02 năm 04 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

*Về xử lý vật chứng:* Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại động nhãn hiệu Xiaomi của bị cáo B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh thu của H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VivoY 79A thu của L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo thu của M.

Trả lại các bị cáo gồm: Bị cáo Nh 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40 và 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax ; bị cáo B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 99C1- 085.31, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS, Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các Nh, B, L và M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/4/2022, tại Văn phòng địa diện của Tập đoàn Liên kết V thuộc tổ dân phố N1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Do H cần tiền mua sản phẩm để Nh, B, L là cấp trên của H được cộng thêm vào doanh số của cá nhân ( gọi là điểm CV), để H lấy được tiền của chị S ( mẹ của H), Mai Thị Nh là người khởi xướng việc H nợ của B tiền. Nh đưa giấy vay tiền có mẫu sẵn cho H viết nội dung H nợ của B số tiền 40.000.000 đồng và đưa cho H son để điểm chỉ vào giấy, nhưng thực tế H không nợ tiền của B. Sau đó Tổng Quốc B, Trần Tùng L, Lý Thị H điện thoại cho chị S giả là H bị giữ do không có tiền trả B. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/4/2022, Tổng Quốc B, Trần Tùng L hẹn chị S đến quán “*An coffe*”, chị S đưa cho các bị cáo số tiền 29.500.000 đồng, M đang đếm tiền thì bị bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Mai Thị Nh, Tổng Quốc B, Lý Thị H, Trần Tùng L, Vũ Văn M có đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng số 139/CT- VKS ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Mai Thị Nh, Tổng Quốc B, Lý Thị H, Trần Tùng L, Vũ Văn M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Vui Thị S được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa bàn có khu công nghiệp. Do đó, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ trong quá trình phạm tội, đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có tổ chức.

[4] *Xét vai trò các bị cáo thì thấy*: Bị cáo Nh là người khởi xướng, đưa ra cách thức thực hiện hành vi gian dối có vai trò thứ nhất. Bị cáo B trực tiếp và tích cực thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của chị S có vai trò thứ 2. Bị cáo H và bị cáo L trực tiếp thực hiện hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị S nên có vai trò thứ 3. Bị cáo M biết các bị cáo B, L đến quán “An Coffe” thực hiện hành vi phạm tội nhưng vẫn đi cùng và đếm tiền khi chị S đưa có vai trò cuối cùng.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo Lý Thị H, Trần Tùng L và Vũ Văn M sau khi phạm tội đầu thú. Bị cáo B có thời gian phục vụ trong quân đội, bố đẻ của bị cáo Mai Thị Nh có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng 3. Áp dụng điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo khi cân nhắc hình phạt.

[6] *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] *Xét về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng; bị cáo H thuộc hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo trong vụ án có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, chưa cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự là đủ để các bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[9] Các bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án này, không bị tạm giam về một tội phạm khác. Các bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo. Căn cứ khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa.

[10] Đối với anh Vàng A S là người được B rủ đến quán “An Coffe” nhưng anh S không biết mục đích đến quán làm gì, không biết nội dung bàn bạc giữa B, L, H về việc chiếm đoạt tiền của chị S, không tham gia thực hiện hành vi phạm tội cùng các bị cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V không xử lý đối với anh S là có căn cứ. Đối với nội dung H viết “*Giấy thuê xe*”, thuê của B xe mô tô nhãn hiệu SH mode, biển kiểm soát 98B3- 68.689, B khai nhận thông tin về xe mô tô là do B nghĩ ra, không có thật. Qua tra cứu, biển kiểm soát 98B3- 68.689 được cấp cho xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, đăng ký xe mô tô mang tên anh Trần Văn Ch, sinh năm 1986 ở thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Ch cho biết hiện vẫn đang dùng xe mô tô này, không quen biết các bị cáo.

[11] *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 29/4/2022, Cơ quan điều tra trả lại chị S số tiền 29.500.000 đồng. Nay chị S nhận lại tiền, không yêu cầu các bị cáo bồi, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] *Về vật chứng*:

[12.1] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi thu của bị cáo B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh thu của H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VivoY 79A thu của L, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo thu của M đều là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[12.2] 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40 và 01 điện thoại di động thu của bị cáo Nh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 99C1- 085.31 thu của bị cáo B là tài sản của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại các bị cáo, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[13] *Về án phí*: Bị cáo Lý Thị H thuộc hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Hằng được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[14] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. *Về áp dụng điều luật.*

1.1. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Thị Nh.

1.2. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tống Quốc B.

1.3. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Tùng L.

1.4. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Thị H.

1.5. Căn cứ Khoản 1 Điều 174; điểm i, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Văn M.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, khoản 4 Điều 328, các Điều 293, 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. *Về mức hình phạt, xử phạt:*

2.1. Bị cáo Mai Thị Nh 01 (một) năm 04 ( bốn) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 ( hai) năm 08 ( tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

2.2. Bị cáo Tống Quốc B 01( một) năm 03 ( ba) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 ( hai) năm 06 ( sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

2.3. Bị cáo Trần Tùng L 01( một) năm 02 ( hai) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 ( hai) năm 04 ( bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

2.4. Bị cáo Lý Thị H 01( một) năm 02( hai) tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 ( hai) năm 04 ( bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

2.5. Bị cáo Vũ Văn M 01 ( một) năm tù, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 ( hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm nào khác.

Giao bị cáo Mai Thị Nh cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Tống Quốc B cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Tùng L cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lý Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện V, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Văn M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, thành phố Hà Nội nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

### *3. Về vật chứng:*

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh số Imei: 8861312041781185; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VivoY79A được dán màu đen ở lưng Imei: 867498038254775; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu tím số Imei: 867989042350723.

3.2. Trả lại các bị cáo gồm: Bị cáo Nh 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax số Imei: 353900105813376, 01 xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 29V3- 233.40; bị cáo B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển kiểm soát 99C1- 085.31, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

4. *Về án phí:* Buộc các bị cáo Mai Thị Nh, Tống Quốc B, Trần Tùng L và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lý Thị H.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

### *6. Về nghĩa vụ thi hành án:*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.
- Lưu HS.VP;
- Công an huyện V;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.

## **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hương**